

Số: /QĐ-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày

tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24/3/1962 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 116/NQ-HĐT ngày 10/10/2024 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-ĐHGTVT ngày 11/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông báo số 590/TB-ĐHGTVT ngày 05/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về việc tuyển trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025;

Căn cứ các Thông báo số 1035/TB-ĐHGTVT ngày 05/12/2025; Thông báo số 1126/TB-ĐHGTVT ngày 16/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về kết quả xét tuyển và thi tuyển trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 1233/TB-ĐHGTVT ngày 23/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về điểm trúng tuyển các ngành tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 96 thí sinh (danh sách kèm theo) trúng tuyển trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025, trong đó:

- Phương thức xét tuyển: 50 thí sinh (Hà Nội: 47; Phân hiệu tại TP.HCM: 03);
- Phương thức thi tuyển: 46 thí sinh (Hà Nội 38; Phân hiệu tại TP.HCM: 08).

Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học vào ngày 26/01/2026.

Điều 3. Trưởng các phòng: HCTH, KT&ĐBCLĐT, ĐTSĐH, TCKT; các khoa: Công trình, Công nghệ thông tin, Điện - Điện tử, Vận tải - Kinh tế, Cơ khí, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật xây dựng; Phân hiệu tại TP.HCM và thí sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, KT&ĐBCLĐT (4).

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025 - PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-DHGTVT ngày /12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

TT	Số căn cước	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Định hướng	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp bậc đại học	Hình thức đào tạo bậc ĐH	Xếp loại TN bậc ĐH	Điểm TB Toán CC bậc ĐH	Trình độ ngoại ngữ
I. Tại Hà Nội:											
1	001098000847	Nguyễn Duy Anh	26/12/1998	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Chính quy	Giỏi	7.0	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
2	001202027055	Nguyễn Minh Bách	25/02/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Liên thông CQ	Khá	6.4	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
3	001200033330	Đỗ Lê Thành Đạt	21/05/2000	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Liên thông CQ	Khá	8.0	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
4	001203029232	Lê Bùi Trường Giang	17/07/2003	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Chính quy	Giỏi	8.1	Tiếng Anh bậc 5 (C1)
5	001202031270	Đặng Mạnh Hiếu	12/12/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Chính quy	Xuất sắc	9.6	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
6	034202010432	Đinh Anh Tiến	05/08/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Chính quy	Giỏi	8.6	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
7	036202010584	Trần Xuân Tiến	01/09/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá	7.0	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
8	036202001261	Hoàng Minh Tuấn	17/10/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Chính quy	Giỏi	7.4	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
9	008202002529	Phạm Thành Tuyên	23/11/2002	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Liên thông CQ	Giỏi	7.9	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
10	001200035349	Phạm Văn Đàn	08/07/2000	Nam	Kỹ thuật cơ khí động lực	Ứng dụng	Kỹ thuật cơ khí	Chính quy	Khá	6.2	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
11	035196002022	Nguyễn Thị Mai	16/12/1996	Nữ	Kỹ thuật cơ khí động lực	Ứng dụng	Kỹ thuật cơ khí	Chính quy	Khá	8.1	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
12	040099021958	Nguyễn Văn Chiến	12/08/1999	Nam	Kỹ thuật điện tử	Nghiên cứu	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	Chính quy	Giỏi	7.9	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

TT	Số căn cước	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Định hướng	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp bậc đại học	Hình thức đào tạo bậc ĐH	Xếp loại TN bậc ĐH	Điểm TB Toán CC bậc ĐH	Trình độ ngoại ngữ
13	040098013481	Nguyễn Văn Sáng	18/07/1998	Nam	Kỹ thuật điện tử	Nghiên cứu	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	Chính quy	Giỏi	7.3	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
14	022202002564	Nguyễn Văn Chương	23/08/2002	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Chính quy	Khá	6.9	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
15	001202021734	Lê Đắc Huy	01/11/2002	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Liên thông CQ	Khá	6.2	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
16	034097006904	Phan Trung Kiên	07/11/1997	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Chính quy	Giỏi	7.9	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
17	040099006594	Đậu Ngọc Hoàng An	29/03/1999	Nam	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Kỹ thuật cơ khí/ Cơ khí ô tô	Chính quy	Khá	7.9	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
18	001202035370	Nguyễn Hải Đăng	09/11/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Nghiên cứu	Kỹ thuật ô tô	Chính quy	Giỏi	8.4	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
19	001202026223	Đỗ Văn Huy	14/03/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Nghiên cứu	Kỹ thuật ô tô	Liên thông CQ	Khá	7.9	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
20	001202019741	Đỗ Hồng Quân	23/12/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Nghiên cứu	Kỹ thuật cơ khí/ Cơ khí ô tô Việt - Anh	Chính quy	Khá	7.5	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
21	045201006179	Trần Nguyễn Tiến	31/10/2001	Nam	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Kỹ thuật ô tô	Liên thông CQ	Khá	7.9	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
22	025202005298	Tạ Như Thuần	27/05/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Nghiên cứu	Kỹ thuật ô tô	Chính quy	Khá	6.8	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
23	001202002030	Khuất Hùng Cường	03/02/2002	Nam	Kỹ thuật viễn thông	Nghiên cứu	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	Chính quy	Giỏi	7.5	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
24	001202014901	Vương Trí Hào	12/06/2002	Nam	Kỹ thuật viễn thông	Nghiên cứu	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	Chính quy	Khá	6.6	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
25	030202006733	Vũ Hồng Minh	25/12/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Nghiên cứu	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	7.6	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
26	034202005746	Đinh Văn Độ	12/10/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Giỏi	6.3	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

TT	Số căn cước	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Định hướng	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp bậc đại học	Hình thức đào tạo bậc ĐH	Xếp loại TN bậc ĐH	Điểm TB Toán CC bậc ĐH	Trình độ ngoại ngữ
27	026202002553	Nguyễn Đình Hiếu	07/11/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	8.2	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
28	030202002644	Triệu Xuân Phú	05/10/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	6.3	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
29	033202003772	Đặng Công Quân	19/04/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	6.8	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
30	001202021551	Đoàn Thanh Sơn	28/02/2002	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	7.0	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
31	001303042901	Lê Thị Minh Châu	11/04/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	Nghiên cứu	Kinh tế	Chính quy	Khá	7.6	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
32	036303000759	Đỗ Thị Trà My	13/01/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	Nghiên cứu	Kinh tế	Chính quy	Xuất sắc	9.1	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
33	033303006561	Nguyễn Thị Úy Thương	01/03/2003	Nữ	Quản lý kinh tế	Nghiên cứu	Kinh tế	Chính quy	Giỏi	9.1	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
34	037202000298	Trần Minh Quang	12/10/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Khá	9.3	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
35	001203031957	Nguyễn Đức Ân	04/07/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Khá	6.0	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
36	001203014240	Nguyễn Đức Long	25/11/2003	Nam	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Khá	6.6	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
37	034303008065	Nguyễn Thị Thanh Mai	24/11/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Khá	6.0	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
38	001203003708	Dương Gia Bách	25/08/2003	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Nghiên cứu	Kinh tế vận tải	Chính quy	Khá	6.7	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
39	045099000212	Nguyễn Quang Hào	06/11/1999	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Nghiên cứu	Kinh tế vận tải	Chính quy	Xuất sắc	9.3	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
40	001203030786	Đoàn Việt Hưng	16/09/2003	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Nghiên cứu	Kinh tế vận tải	Chính quy	Xuất sắc	8.5	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

TT	Số căn cước	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Định hướng	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp bậc đại học	Hình thức đào tạo bậc ĐH	Xếp loại TN bậc ĐH	Điểm TB Toán CC bậc ĐH	Trình độ ngoại ngữ
41	001203026071	Hoàng Gia Khánh	09/10/2003	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Nghiên cứu	Khai thác vận tải	Chính quy	Giỏi	6.7	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
42	001203010989	Phạm Quốc Khánh	29/07/2003	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Nghiên cứu	Kinh tế vận tải	Chính quy	Xuất sắc	9.1	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
43	036303001428	Vũ Thị Hiền Lương	04/08/2003	Nữ	Tổ chức và quản lý vận tải	Nghiên cứu	Kinh tế vận tải	Chính quy	Giỏi	7.0	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
44	024099006357	Dương Quang Sỹ	07/04/1999	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Nghiên cứu	Kinh tế vận tải	Chính quy	Giỏi	9.6	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
45	025202007639	Nguyễn Công Thành	15/12/2002	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Nghiên cứu	Kinh tế vận tải	Chính quy	Giỏi	7.2	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
46	038303023526	Trần Thị Trang	01/03/2003	Nữ	Tổ chức và quản lý vận tải	Nghiên cứu	Khai thác vận tải	Chính quy	Xuất sắc	9.4	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
47	036302009319	Triệu Thùy Trang	30/10/2002	Nữ	Tổ chức và quản lý vận tải	Nghiên cứu	Khai thác vận tải	Chính quy	Giỏi	6.0	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
II. Phân hiệu tại TP.HCM:											
1	049302009498	Thái Thị Minh Duyên	10/01/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Giỏi	7.3	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
2	052302002751	Nguyễn Lê Bích Hậu	06/08/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Giỏi	9.1	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
3	052302008714	Đoàn Thị Uyên	01/05/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Giỏi	9.9	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

Danh sách có 50 thí sinh, trong đó:

- Hà Nội: 47 thí sinh;
- Phân hiệu tại TP.HCM: 03 thí sinh./.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025 - PHƯƠNG THỨC THI TUYỂN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHGTVT ngày /12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

T T	Số căn cước	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Định hướng	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp bậc đại học	Xếp loại TN bậc ĐH	Trình độ ngoại ngữ	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt	Điểm tổng
I. Tại Hà Nội:													
1	004201005407	1051	Nông Văn Hùng	24/01/2001	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	5.50	5.25	10.75
2	042085002342	1052	Nguyễn Ngọc Sáng	18/09/1985	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	TB khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.50	5.50	12.00
3	001094004872	1053	Nguyễn Hữu Toàn	26/11/1994	Nam	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.50	5.50	12.00
4	001201009506	1054	Nguyễn Quang Kỳ	08/01/2001	Nam	Kỹ thuật điện tử	Nghiên cứu	Kỹ thuật cơ điện tử	Giỏi	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	9.00	6.00	15.00
5	038096011673	1055	Nguyễn Tuấn Dương	04/12/1996	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.50	9.00	15.50
6	038202008694	1056	Lương Sỹ Hoàng Anh	20/11/2002	Nam	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Kỹ thuật ô tô	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	5.50	8.50	14.00
7	026099002252	1057	Nguyễn Tuấn Thành	06/09/1999	Nam	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Kỹ thuật cơ khí/ Cơ khí ô tô	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.50	8.50	15.00
8	036201003862	1058	Mai Khả Tuấn	05/08/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng	Nghiên cứu	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.50	6.50	13.00
9	035201003131	1059	Lê Hoàng Tuấn Anh	14/05/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	9.00	5.00	14.00
10	040098002740	1060	Nguyễn Việt Hà	31/08/1998	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	8.50	5.50	14.00
11	031201007946	1061	Nguyễn Công Hải	23/11/2001	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	7.00	5.00	12.00
12	001098026134	1062	Chữ Đại Hiệp	05/12/1998	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	CNKT GT/CNKT XD Đường sắt và Metro	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	5.50	5.00	10.50

T T	Số căn cước	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Định hướng	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp bậc đại học	Xếp loại TN bậc ĐH	Trình độ ngoại ngữ	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt	Điểm tổng
13	001200006290	1063	Phùng Công Khoa	23/02/2000	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.50	5.00	11.50
14	026094000832	1064	Ngô Mạnh Lân	28/09/1994	Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	9.50	6.50	16.00
15	001193037375	1065	An Thị Thùy Trang	30/09/1993	Nữ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	CNKT Vật liệu xây dựng	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	8.00	6.00	14.00
16	001093041960	1066	Lê Quý An	31/10/1993	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	TB khá	TNĐH ngành NN Anh	7.00	8.00	15.00
17	034301003274	1067	Tạ Thu An	16/09/2001	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Quản lý xây dựng	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	7.50	5.50	13.00
18	001202024163	1068	Lương Văn An	27/01/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	7.50	7.00	14.50
19	038099020474	1069	Phạm Văn Đoàn	11/11/1999	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	9.50	9.00	18.50
20	001201009573	1070	Phạm Trung Hiếu	08/06/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng	Khá	Tiếng Pháp bậc 3 (B1)	7.00	7.00	14.00
21	024202014291	1071	Trịnh Quốc Hưng	18/08/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Quản lý xây dựng	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.00	9.00	15.00
22	040202003155	1072	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.25	9.50	15.75
23	026201007599	1073	Đỗ Bá Tùng Lâm	07/06/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Quản lý xây dựng	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	7.25	8.50	15.75
24	001203034737	1074	Lê Anh Nhật	17/08/2003	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	8.00	9.00	17.00
25	036202002292	1075	Phạm Anh Quân	22/09/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	8.00	9.50	17.50
26	002301000899	1076	Lý Hương Quỳnh	28/12/2001	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	7.00	8.00	15.00
27	001200032760	1077	Trần Minh Tuấn	21/10/2000	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.75	8.00	14.75

T T	Số căn cước	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Định hướng	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp bậc đại học	Xếp loại TN bậc ĐH	Trình độ ngoại ngữ	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt	Điểm tổng
28	037200002842	1078	Lâm Thanh Tùng	02/09/2000	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	7.00	8.50	15.50
29	035093003762	1079	Trần Tiến Thùy	12/04/1993	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Nhật N3	9.00	8.00	17.00
30	035200000694	1080	Nguyễn Văn Thường	07/05/2000	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Giỏi	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	9.50	7.00	16.50
31	015301000031	1081	Hứa Thùy Trang	26/10/2001	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	8.00	6.50	14.50
32	001202008981	1082	Nguyễn Văn Việt	07/08/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	8.50	6.00	14.50
33	001203011571	1083	Đỗ Hoàng Duy Anh	27/11/2003	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Nghiên cứu	Kinh tế vận tải	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	9.50	5.50	15.00
34	001203029305	1084	Trần Văn Hiếu	24/10/2003	Nam	Tổ chức và quản lý vận tải	Nghiên cứu	Kinh tế vận tải	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	9.50	5.50	15.00
35	001303016508	1085	Nguyễn Phương Anh	25/11/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Quản trị kinh doanh	Giỏi	Tiếng Anh bậc 4 (B2)	7.50	7.50	15.00
36	001075024164	1086	Tạ Vũ Ngọc Hà	16/01/1975	Nam	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Công nghệ thông tin B2 Kế toán	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.50	8.00	14.50
37	001301004633	1087	Trần Phi Yến	05/07/2001	Nữ	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Quản trị kinh doanh	Khá	Tiếng Anh bậc 4 (B2)	7.00	7.50	14.50
38	001089034833	1088	Trần Anh Nguyên	02/06/1989	Nam	Quản lý kinh tế	Nghiên cứu	Kinh tế thương mại quốc tế	Khá	TNĐH tại Trung Quốc	7.00	7.75	14.75

II. Phân hiệu tại TP.HCM:

1	068098005254	701	Nguyễn Lê Hữu Đạt	23/10/1998	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	5.00	7.50	12.50
2	036072022947	702	Nguyễn Ngọc Huy	30/04/1972	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Xây dựng cầu đường	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.50	5.00	11.50
3	062198005782	703	Nguyễn Thị Phương Lan	10/08/1998	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng	Trung bình	Tiếng Anh bậc 4 (B2)	5.50	7.50	13.00
4	051302006646	704	Nguyễn Thị Linh Nhi	18/10/2002	Nữ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	5.50	7.00	12.50

T T	Số căn cước	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành trúng tuyển	Định hướng	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp bậc đại học	Xếp loại TN bậc ĐH	Trình độ ngoại ngữ	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt	Điểm tổng
5	079202005411	705	Phạm Trần Phú	18/04/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.00	7.50	13.50
6	077098005464	706	Võ Phan Sang	23/12/1998	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	5.50	7.00	12.50
7	075201012630	707	Nguyễn Tỳ Tiên	03/09/2001	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Trung bình	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.00	8.50	14.50
8	054202003029	708	Lưu Nhật Toàn	01/12/2002	Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xuất sắc	Tiếng Anh bậc 3 (B1)	6.50	7.50	14.00

Danh sách có 46 thí sinh, trong đó:

- Hà Nội: 38 thí sinh;
- Phân hiệu tại TP.HCM: 08 thí sinh./.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng